

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28/9/2020

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** ông Lại Hùng Hưng;
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** ông Lê Ngọc Đan và ông Nguyễn Tấn Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:*** ông Nguyễn Thanh Diệp - Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/8/2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** chị Hán Thị S (sinh năm 1989), địa chỉ: thôn Quyết T, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- ***Bị đơn:*** anh Lê Văn H (sinh năm 1983), địa chỉ: thôn Quyết T, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (vắng mặt lần thứ hai không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn, chị Hán Thị S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Lê Văn H trải qua thời gian yêu thương, tìm hiểu nhau, tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai vào ngày 16/7/2007 (Giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số 01).

Cuộc sống vợ chồng trong thời gian dài không H thuận, không hạnh phúc. Vợ chồng nhiều lần mâu thuẫn, cãi vã nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không H hợp, bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng từ năm 2017. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, không quan tâm đến nhau nữa. Chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn H.

- Về con chung: vợ chồng có 03 con chung gồm: Lê Văn X, sinh ngày 30/12/2008, Lê Hải N, sinh ngày 05/3/2012, Lê Ngọc A, sinh ngày 02/10/2014.

Chị đề nghị được nuôi cả 03 con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng đều vắng mặt. Do đó, hồ sơ không có lời khai, ý kiến của anh H.

* Cháu Lê Hải N và cháu Lê Văn X (con chung trên 7 tuổi) đều thể hiện nguyện vọng được sinh sống cùng chị S.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình: xử cho chị S được ly hôn với anh Lê Văn H. Giao cả 03 con cho chị S nuôi dưỡng. Buộc chị S chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Hán Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Văn H và giải quyết nuôi con. Chị S là người có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

[2] Chị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị S và anh H.

[3] Chị Hán Thị S và anh Lê Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 16/7/2007 tại UBND xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Hôn nhân giữa chị S và anh H là hợp pháp. Chị S cho rằng, cuộc sống vợ chồng trong thời gian dài không H thuận, không hạnh phúc. Vợ chồng nhiều lần mâu thuẫn, cãi vã nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng từ năm 2017 cho đến nay. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng, tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng đều vắng mặt. Điều đó cho thấy, anh H không quan tâm đến quan hệ hôn nhân và con cái. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của chị S là có căn cứ nên cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị S được ly hôn với anh H.

[4] Chị S và anh H có 03 con chung gồm: Lê Văn X, sinh ngày 30/12/2008 (đang sống cùng chị S), Lê Hải N, sinh ngày 05/3/2012 (đang sống cùng anh H), Lê Ngọc A, sinh ngày 02/10/2014 (đang sống cùng chị S).

Chị S đề nghị được trực tiếp nuôi cả 03 con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Chị S có nghề nghiệp, có thu nhập ổn định, có khả năng nuôi 03 con mà không cần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh H.

Nguyện vọng của cháu X và cháu N là được sinh sống cùng chị S.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị S là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của con, cần áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần giao cháu cả 03 con cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì chị S không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: chị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 144, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hán Thị S.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Hán Thị S và anh Lê Văn H.

2. Về con chung: chị S và anh H có 03 con chung gồm: Lê Văn X, sinh ngày 30/12/2008, Lê Hải N, sinh ngày 05/3/2012, Lê Ngọc A, sinh ngày 02/10/2014.

Giao cháu X, cháu N và cháu A cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị S không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Chị S và anh H đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: buộc chị S chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn để sung vào quỹ Nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008180 ngày 22/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Chị S đã nộp đủ tiền án phí.

4. Các vấn đề khác:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Thời hạn kháng cáo của các đương sự là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS;
- Các đương sự;
- UBND xã Ia D;
- CC THADS ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Hùng Hưng

